TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN C** THÀNH PHỐ CẦN THƠ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/DSST
Ngày 18/02/2022
V/v: "Tranh chấp đòi lại tài sản theo hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN C

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Bùi Trung Hiến**

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông **Bùi Thanh Trí**

Ông **Nguyễn Thanh Tùng**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Hoài Anh** – Thư ký Tòa án nhân dân quận C.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C tham gia phiên tòa:* Ông **Trần Bảo Quốc –** Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận C, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2021/TLST- DS ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc "*Tranh chấp đòi lại tài sản theo hợp đồng mua bán hàng hóa".* Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 290/2021/QĐXX - ST ngày 27 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2022/QĐST-DS ngày 18/01/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn T.

Địa chỉ: Quốc lộ 1, khu vực H, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Thị S**- Chức vụ: Giám đốc. Có mặt

Bị đơn: Bà **Tô Thị Hồng D (Vắng mặt)**

Địa chỉ: khu vực H, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

Bà **Tô Thị Hồng V (Vắng mặt).**

Địa chỉ: 168/5C khu vực H, phường B, quận C, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Đại diện ủy quyền của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Son trình bày và yêu cầu:*

Ngày 30/12/2011 Công ty TNHH T có ký hợp đồng bán nợ thức ăn gà cho Tô Thị Hồng D, Tô Thị Hồng V.

Từ ngày 20/11/2011 đến ngày 17/3/2012, bà D và V có mua thức ăn gà thịt còn nợ lại Công ty với số tiền là 49 triệu đồng. Ngày 23/6/2013 Công ty có nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận C, ngày 13/3/2014 vụ án được chuyển đến Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ để giải quyết thì bà D và V có đến Công ty thương lượng xin giảm nợ xuống 40 triệu đồng và sẽ góp 2 triệu/tháng; bị đơn thực hiện được tháng 3+4+5+6+7+8+9/2014 và tháng 2/2015, tổng cộng 14 triệu đồng. Sau đó xin trả 1 triệu đồng, rồi 500.000 đồng Công ty cũng chấp thuận. Trong 04 năm 2016, 2017, 2018, 2019 bị đơn trả được 8 triệu đồng, còn lại 18 triệu đồng tiền gốc bị đơn chưa trả và không có ý định trả tiếp. Mặc dù Công ty đã nhiều lần đến nhà bị đơn yêu cầu bị đơn trả nợ nhưng bị đơn vẫn hứa và không thực hiện việc thanh toán trả nợ cho Công ty.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 36.780.000 đồng; trong đó nợ gốc là 18 triệu đồng, nợ lãi là 17/3/2012 đến ngày 17/10/2020 là 3.130 ngày, lãi suất 1%/tháng đối với số tiền 18 triệu đồng là 18.780.000 đồng.

Bị đơn Tô Thị Hồng D, Tô Thị Hồng V: Được Tòa án triệu hợp lệ 02 lần nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa,

Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và có thay đổi về yêu cầu tính lãi đối với bị đơn. Bị đơn tiếp tục vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận C phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt các lần hòa giải và xét xử, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là tranh chấp đòi lại tài sản theo hợp đồng mua bán hàng hóa, bị đơn có địa chỉ tại quận C nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận C theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn – bà Tô Thị Hồng D, Tô Thị Hồng V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt cho nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của đương sự:* Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 36.780.000 đồng; trong đó nợ gốc là 18 triệu đồng, nợ lãi là 17/3/2012 đến ngày 17/10/2020 là 3.130 ngày, lãi suất 1%/tháng đối với số tiền 18 triệu đồng là 18.780.000 đồng và lãi suất cho đến khi bị đơn trả dứt nợ.

Xét, đối với yêu cầu trả nợ gốc với số tiền là 18 triệu đồng: Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 30/12/2011 giữa nguyên đơn Công ty TNHH T có ký hợp đồng mua bán hàng hóa cụ thể là mua bán thức ăn cho gà thịt với bị đơn là Tô Thị Hồng D, Tô Thị Hồng V (BL64). Quá trình thực hiện hợp đồng nguyên đơn đã cung cấp thức ăn cho bị đơn và bị đơn có đối chiếu công nợ với nguyên đơn vào ngày 30/3/2012 với số tiền là 90.345.740 đồng (BL63). Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng cho nên nguyên đơn đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận C vào ngày 30/10/2013. Nguyên đơn cho rằng bị đơn gặp nguyên đơn để xin giảm nợ xuống còn 40 triệu đồng và cam kết trả nợ đúng hạn. Nguyên đơn thừa nhận bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn được tổng cộng 22 triệu đồng, còn nợ lại 18 triệu đồng, tại biên bản hòa giải ngày 10/12/2013 thì bị đơn thừa nhận nợ nguyên đơn số tiền 35.345.000 đồng (BL61). Do bị đơn vắng mặt các lần hòa giải và xét xử cho

nên được xem là từ bỏ quyền tranh tụng của mình. Hội đồng xét xử sẽ giải quyết vụ án dựa trên trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 18 triệu đồng tiền nợ thức ăn là có cở sở chấp nhận.

Xét, yêu cầu tính lãi của nguyên đơn đối với bị đơn tính từ ngày 17/3/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm 18/02/2022. Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu tính lãi từ ngày 17/3/2012 đến ngày 1/1/2017 là 0,75%/tháng và từ ngày 02/01/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 18/02/2022 là 1%/tháng trên tổng số tiền nợ chưa trả đối với bị đơn.

Do bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 18 triệu đồng chưa thanh toán. Do đó, việc nguyên đơn thay đổi yêu cầu tính lãi và buộc bị đơn thanh toán tiền lãi theo qui định là có cơ sở chấp nhận cụ thể như sau:

Từ ngày 17/3/2012 đến ngày 01/01/2017 là 04 năm 09 tháng 15 ngày x 0,75%/tháng x 18 triệu đồng = 7.762.500 đồng.

Từ ngày 02/01/2017 đến ngày 18/02/2022 là 05 năm 01 tháng 16 ngày x 1%/tháng x 18 triệu đồng = 11.076.000 đồng.

Tổng tiền lãi tính từ ngày 17/3/2012 đến ngày 18/02/2022 là 18.838.507 đồng.

Như vậy, từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về yêu cầu trả nợ gốc và lãi đối với số tiền 36.838.507 đồng; trong đó nợ gốc là 18 triệu đồng, nợ lãi là 18.838.507 đồng là có cơ sở chấp nhận. Tại giai đoạn thi hành án bị đơn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành khi nguyên đơn có đơn yêu cầu.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

5. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

+ Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa cũng như đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Với những phân tích nêu trên về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung này là phù hợp.

***Vì các lẽ trên*;**

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 235, 244, 264 và 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ các Điều 430, 440, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T.

Buộc bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn tính đến ngày 18/02/2022 với tổng số tiền 36.838.507 đồng; trong đó nợ gốc là 18 triệu đồng, nợ lãi là 18.838.507 đồng.

Giai đoạn thi hành án nếu nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn không thực hiện thì còn phải chịu lãi suất chậm thi hành đối với số tiền chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí là 1.841.925 đồng. Nguyên đơn được nhận lại số tiền 920.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 006558 ngày 08/12/2020 và số tiền 920.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008122 ngày 01/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ.

3. Về kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc niêm yết theo qui định để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. C;
- Chi cục THA Q. C;
- Lưu HS.

Bùi Trung Hiến